

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 - 3 - 2023

V/v “*Tranh chấp: Xin ly hôn,  
cấp dưỡng nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Đăng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Đặng Thị Kim Huệ

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2022/HNST ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc: “Xin Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01/3/2023 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Tuyết P, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A.

**\*Bị đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1982 (Có mặt).

Nơi ở hiện nay: Trung đoàn B, khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết P trình bày:**

Bà P và ông Phạm Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Từ năm 2013 bắt đầu thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện tại ông C đã làm đám cưới và đăng ký kết hôn với người phụ nữ này nên từ năm 2015 đến nay bà P không còn chung sống với ông C nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Phạm Văn C có 02 đứa con chung tên Phạm Ngọc Ngân H sinh ngày 14/11/2005 và Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011, hiện nay bà P đang làm công nhân, sau khi ly hôn bà P xin được nuôi dưỡng 2 con chung, chỉ yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh H mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn ông Phạm Văn C trình bày:*

Ông và bà Phan Thị Tuyết P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ khi về chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, và có 02 con chung như bà P trình bày. Đến năm 2009 cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên không sống chung với nhau nữa, vì vậy ông đã kết hôn với chị Phan Thị H và được Ủy Ban Nhân Dân xã C huyện C, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2015. Quá trình chung sống với chị H ông có thêm 01 đứa con chung với chị H nữa tên là Phạm Nhật Hải L sinh ngày 17/7/2016.

Thời gian gần đây, từ khoảng tháng 7 năm 2022 cho đến nay bà P thường lên mạng xã hội Facebook xúc phạm vợ chồng ông nhằm phá hạnh phúc của gia đình ông. Nay bà P nộp đơn ra Tòa ly hôn với ông thì ông không biết mục đích của bà P là gì? Ông cho rằng bà P không phải là vợ của ông, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Ông với bà P có 02 con chung gồm Phạm Ngọc Ngân H sinh ngày 14/11/2005 và Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011. Từ trước đến nay mặc dù ông không trực tiếp nuôi con và không sống chung với bà P nhưng ông vẫn cấp dưỡng đầy đủ cho các con chung là 1 tháng 2.000.000đ, số tiền trên ông chuyển khoản hàng tháng cho con gái lớn của ông là Phạm Ngọc Ngân H. Nay bà

P yêu cầu được nuôi hai con thì ông cũng đồng ý, tuy nhiên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ cho hai con đến khi con gái lớn là Phạm Ngọc Ngân H đủ 18 tuổi thì ông không đồng ý cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ nữa mà ông chỉ đồng ý cấp dưỡng cho con chung Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bởi vì hiện nay ông đang khó khăn, mức lương của ông chỉ 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) trong khi đó phải nuôi con chung với chị H nên không có khả năng cấp dưỡng 2.000.000đ nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Tuyết P và ông Phạm Văn C chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của bà P và ông C không phải là hôn nhân hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông C; Về con chung có 02 đứa con chung gồm Phạm Ngọc Ngân H sinh ngày 14/11/2005 và Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011, sau khi ký hôn bà P xin được nuôi dưỡng 2 con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh H cho đến khi đủ 18 tuổi, đồng thời đây cũng là nguyện vọng của con chung muốn sống chung với mẹ nên chấp nhận,

Theo ông C trình bày do bà P quậy phá, chửi vợ chồng ông nên ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ theo yêu cầu của bà P mà chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Minh H mỗi tháng 1.000.000đ. Việc ông C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Minh H mỗi tháng 2.000.000đ mà chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ là không đảm bảo nhu cầu thiết yếu nuôi con chung, hơn nữa thực tế trước đến nay anh vẫn cấp dưỡng cho các con chung là một tháng 2.000.000đ/1 tháng, do đó ông C cho rằng hiện nay không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 2.000.000đ là không có

cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bà P và các thành viên trong gia đình không được cấm cản ông C trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phan Thị Tuyết P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung với ông Phạm Văn C, ông C có nơi cư trú tại khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh K. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Phan Thị Tuyết P và ông Phạm Văn C tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2004 cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Đối chiếu với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con cái và tài sản thì giải quyết theo quy định tại điều 15 và điều 16 của luật này”*. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*.

Do đó, căn cứ vào các quy định nêu trên, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền

và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không có cơ sở để giải quyết ly hôn nên tuyên bố không công nhận bà Phan Thị Tuyết P và ông Phạm Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Ngọc Ngân H sinh ngày 14/11/2005 và Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011, sau khi ký hôn bà P xin được nuôi dưỡng 2 con chung và cũng là nguyện vọng của con nên Hội Đồng Xét Xử ghi nhận. Bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Minh H mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là có cơ sở bởi vì đây là nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại điều 82 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

*”1. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.*

*2. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.*

Về mức cấp dưỡng: Theo quy định tại điều 116 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *”Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.*

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông C trình bày từ trước đến nay ông vẫn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và gửi tiền đầy đủ hàng tháng cho cháu Phạm Ngọc Ngân H, nhưng tháng vừa qua anh chỉ chuyển 1.000.000đồng vì lý do bà P lên mạng xã hội Facebook xúc phạm ông và vợ ông là bà H anh nên ông không chuyển tiền nữa.

Xét thấy mức lương hàng tháng của anh C hiện nay là 9.895.853đ (*Chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi ba đồng*) được lãnh đạo đơn vị xác nhận, sau khi trừ đi các khoản như trừ bảo hiểm, trừ tiền ăn, thì mức lương thực nhận được 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Xét thấy bà P yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho cháu H là phù hợp vì thực tế từ trước đến nay cả ông C bà P không tranh chấp việc cấp dưỡng nuôi con chung thì ông C vẫn đồng ý mức cấp dưỡng trên, điều này là phù hợp với ý chí của ông C tại biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2023 là ông đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ, do đó hiện nay ông không đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ mà chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ là không đảm bảo nhu cầu thiết yếu nuôi con chung, lý do ông nêu ra là không có căn cứ do đó Hội Đồng Xét Xử buộc ông C

phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phạm Minh H một tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bà P và các thành viên trong gia đình không được cấm cản ông C trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà P và ông C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội Đồng Xét Xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không công nhận bà Phan Thị Tuyết P và ông Phạm Văn C là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc Ngân H sinh ngày 14/11/2005 và Phạm Minh H sinh ngày 11/01/2011, cho bà Phan Thị Tuyết P trực tiếp nuôi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phạm Minh H mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Phạm Minh H đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị Tuyết P và các thành viên trong gia đình không được cấm cản ông Phạm Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001414 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên bà P không phải nộp thêm.

Ông Phạm Văn C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Đăng**

